

Travel Culture Career Study

Làm thế nào để học tiếng Anh không bị nhàm chán?

Cùng tiếng Anh hội nhập văn hóa toàn cầu



Welcome

Learning English is not only a way to change your future, but can also be fun! Find out how you can learn English without even trying!

This eBook includes fun games and activities to help you with your learning. Read entertaining articles, test your knowledge with fun quizzes and learn interesting phrases to impress your friends!



Chào bạn!

Học tiếng Anh không nhất thiết phải căng thẳng, áp lực thì mới thành công. Chỉ cần học đúng cách và tìm được niềm vui, bạn hoàn toàn có thể tiến bộ một cách dễ dàng.

Quyển eBook này sẽ giúp bạn học tiếng Anh thông qua những trò chơi, hoạt động vui vẻ và bổ ích. Cùng chia sẻ bài viết thú vị, thử thách kiến thức với câu đố hoặc làm bạn bè há hốc mồm với những cụm từ tiếng Anh độc đáo.



Bắt đầu



Chuyển đến:

- 1 5 gợi ý giúp vui học tiếng Anh.....>
- 2 "Child's play" - Dễ như ăn kẹo.....>
- 3 Sức mạnh của âm nhạc.....>
- 4 #FYI, I'm so amazing.....>
- 5 "Play the fool" - Làm trò hề.....>
- 6 Chuyên mục văn hóa: Thời của TV.....>
- 7 "Time flies when you are having fun" - Thời gian thấm thoắt trôi.....>
- 8 Đáp án.....>

Những dạng nội dung
trong eBook:



Bài viết - đoạn văn về
một đề tài nhất định



Thành ngữ - ừ hoặc
cụm từ mang nghĩa
bóng, nghĩa ẩn dụ



Câu đố - kiểm tra lại
kiến thức đã học

Bắt đầu Phần 1



5 gợi ý giúp vui học tiếng Anh





Bài viết

5 gợi ý giúp học viên vui thích học tiếng Anh



Living in a globalized world many people would like to start learning a foreign language, but decide not to just because they think it would always be tiresome and boring. No way! Learning a foreign language should be challenging, but by no means dull. Why not? Very simple: if you approach the study of a foreign language through fun activities - using social media, movies, playing games, etc. you'll enjoy developing each and every aspect of the target language and will progress soon.



Trong nhịp sống toàn cầu hóa như hiện nay, chúng ta đều hiểu rõ tầm quan trọng của việc biết thêm một ngoại ngữ. Tuy nhiên, nhiều người vẫn chần chừ vì nghĩ rằng việc học sẽ rất nhàm chán và mệt mỏi. Trên thực tế, việc học ngoại ngữ có thể khó khăn, nhưng chẳng bao giờ nhàm chán cả. Tại sao ư? Vì nếu bạn tiếp cận ngoại ngữ thông qua những hoạt động thú vị như mạng xã hội, phim ảnh, chơi games...thì dần dà bạn cũng sẽ yêu thích việc học và tiến bộ lúc nào không hay.

"Nói với tôi, tôi sẽ quên. Chỉ tôi thấy, có thể tôi sẽ nhớ. Cho tôi thực hành, chắc chắn tôi sẽ hiểu." - Tục ngữ Trung Quốc



Bài viết



Read on to find out how to change your old learning techniques into different ways to acquire a language by playing games and having fun. All you need is to take advantage of new technologies - available to almost everybody around the world- that include games designed to involve learners in different ways of using the language.



Nếu bạn muốn vứt bỏ kiểu học rập khuôn, buồn tẻ và tiếp cận phương pháp học ngoại ngữ vui nhộn, hiệu quả thì những thông tin sau chính là câu trả lời cho bạn. Hãy cùng thử kỹ thuật hiện đại và dễ ứng dụng trên toàn thế giới (bao gồm cả những trò chơi dành riêng cho người học ngoại ngữ) để khởi đầu hành trình mở rộng vốn ngoại ngữ của chính bạn!





Bài viết

Do you like playing word games?

Play Scrabble in your target language. There are websites where you can play for free. You can use a dictionary to help you fill in the gaps.

Solve crosswords. It's a great way to build vocabulary, to recognize letter patterns and to help you with your spelling

Other word games you can find on the net:

- TextTwist (an online game in which you have to rearrange letters so as to make as many words as you can)
- Letter linker (form words with the letters provided by a single unbroken chain of neighboring letters), word search, Trivia, etc.

Bạn có thích chơi trò ô chữ không?

Scrabble là tên một trò chơi cho phép bạn thi tài ghép chữ với bạn bè. Hiện có rất nhiều trang web cho phép bạn chơi miễn phí. Hãy chọn ngôn ngữ muốn học, chuẩn bị quyển từ điển và thi tài thử nhé!

Ngoài ra, bạn cũng có thể chơi trò ô chữ. Trò này giúp bạn mở rộng vốn từ, nhận biết cấu trúc từ và nhất là ghi nhớ cách đánh vần.

Một số trò chơi khác bạn có thể tìm thấy trên mạng gồm:

- TextTwist (trò chơi trực tuyến, yêu cầu người chơi phải sắp xếp các chữ cái để tạo nên càng nhiều từ càng tốt)
- Letter linker (chọn một chuỗi ký tự liên tiếp nhau và xếp thành từ hoàn chỉnh), word search, Trivia, v.v...





Bài viết

Do you like cooking?

Do it in English. You can get a cookbook or look for recipes online. When you realize you are able to follow a recipe and make something you like, you'll get motivated to go on trying other stuff and your vocabulary will benefit from this activity as well as your taste buds!

Do you enjoy video games?

These games improve a variety of brain functions including decision making. They have a fantasy narrative and story-lines that help players -learners- interact and stay engaged. Some of the benefits of this type of game for students include: building up knowledge, being able to monitor their own progress, and develop social and leadership skills. They are also cosmopolitan: players

Bạn có thích nấu ăn không?

Nếu có, hãy thử học nấu ăn bằng tiếng Anh nhé. Bạn có thể mua sách dạy nấu ăn hoặc tra cứu công thức trên mạng. Khi nhận ra mình có thể hiểu công thức bằng tiếng Anh và nấu một món thật ngon, bạn sẽ có thêm động lực để thử nhiều món khác. Dần dần, cả vốn từ vựng lẫn...khẩu vị của bạn sẽ được cải thiện đáng kể.

Bạn có thích chơi games không?

Nhờ cốt truyện ly kỳ và hấp dẫn, video games giúp người chơi (người học) tăng tính tương tác, chủ động và cải thiện chức năng não (gồm cả khả năng ra quyết định). Khi chơi games điều độ, bổ ích, người học ngoại ngữ sẽ mở mang kiến thức, tự quyết định quá trình học, nâng cao kỹ năng lãnh đạo và giao tiếp. Họ cũng hội nhập tốt hơn vào làn sóng

What do you like doing?

Sở thích của bạn là gì?



Bài viết

belong to different communities – age, gender, ethnicity and educational status are not important when joining these games.

Do you have a hobby?

There are plenty of internet sites about DIY (do it yourself) activities. If you spend a little time searching the web, you'll find exactly what you need to make shelves, handbags, tables, chairs, wicker stuff, in other words, whatever you may be interested in. You have detailed explanations with pictures, so, you won't find it so difficult to grasp the meaning of the words used in the technique developed.

Do you want to meet other English speaking students?

You can start an English speaking group near where you live. There are schools and

toàn cầu hóa vì phần đông người chơi games đến từ nhiều cộng đồng khác nhau. Ai cũng có thể tham gia vì độ tuổi, giới tính, sắc tộc và trình độ học vấn không có vai trò gì trong thế giới games cả.

Bạn có sở thích nào không?

Hiện có rất nhiều trang web bổ ích, hướng dẫn bạn tự làm một món đồ thủ công nào đó. Chỉ tốn vài giây tìm kiếm, bạn sẽ học được cách tự đóng kệ tủ, bàn ghế, đan giỏ, thiết kế túi xách...hay bất kỳ thứ gì bạn thích. Thông thường, bài hướng dẫn luôn đi kèm hình ảnh, giúp bạn dễ nắm bắt chi tiết, hiểu các từ vựng được dùng trong bài.

Bạn có muốn giao lưu với những người học tiếng Anh giống mình?

Bạn có thể bắt đầu tham gia những CLB, đội nhóm tại địa phương. Hiện ở Việt Nam





Bài viết

institutes where English is taught as a second language. Some of these even organise talks and social events. You can organise your own social gatherings as well – such as eating out, going shopping together, reading certain books and then meet to share your opinions and comments about them? Just let your imagination fly! You'll find lots of real-life activities to carry out in groups in your own neighborhood.

có nhiều trường đã dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Một số trường thậm chí còn tổ chức những buổi nói chuyện, sự kiện giao lưu cho người học. Hoặc nếu thích, bạn nên tự tổ chức buổi giao lưu cho đội nhóm với các hoạt động như ăn uống, mua sắm, đọc sách, thảo luận và chia sẻ về một số tác phẩm hay... Nói chung, có rất nhiều hoạt động đời thường vừa vui nhộn, vừa bổ ích để áp dụng cho CLB, đội nhóm học tiếng Anh. Hãy thỏa sức tưởng tượng nhé!

Using fun activities to learn a foreign language makes it a memorable experience because it helps develop creativity, it encourages motivation and interest, which are essential to make you feel confident and to make you want to improve soon. What do you think?

Học ngoại ngữ thông qua các hoạt động vui nhộn là một trải nghiệm rất đáng nhớ. Phương pháp này giúp người học phát triển óc sáng tạo, tạo động lực và hứng thú, từ đó giúp người học thêm tự tin và quyết tâm cải thiện trình độ. Bạn có nghĩ vậy không?



Thành ngữ

"Child's play" - Dễ như ăn kẹo

 It means **something that is very easy to do.**

 Thành ngữ này ám chỉ **những việc cực kỳ dễ làm.**

Ví dụ:

"Learning English is like child's play when you have the right course!"

Nếu chọn đúng khóa học thì bạn sẽ thấy học tiếng Anh dễ như ăn kẹo vậy.





Câu hỏi

Kiểm tra lại kiến thức với những câu hỏi sau nhé!

1.

Câu nào sau đây dùng SAI thành ngữ "child's play"?

- a) English grammar is child's play. I find it difficult.
- b) Learning English is child's play if you practice.
- c) It's child's play for a professional chef to cook a simple meal.

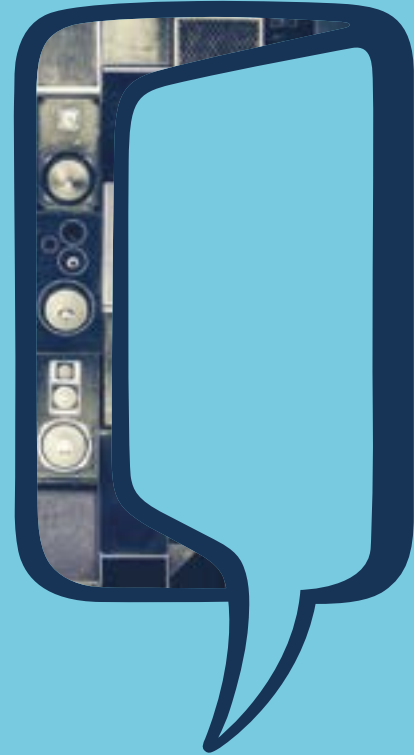
2.

Thành ngữ "child's play" dùng để ám chỉ:

- a) Con nít rất thích chơi đùa.
- b) Về một trò chơi.
- c) Việc gì đó rất dễ dàng.

[Answers >](#)

Sức mạnh của âm nhạc





Bài viết

Sức mạnh của âm nhạc



Music has been with humanity since the dawn of man. Even in prehistoric times when there were no instruments people were creating music with things from their surroundings. It was not until much later that music was considered something enjoyable and a way of disconnecting from the world. In the past many communities considered music a gift from the Gods or even a way to communicate with them. Even nowadays people from different religions refer to music as the language of the angels.

Its power can be seen in many of the experiments that have taken place around



Âm nhạc đã ra đời ngay từ buổi bình minh của nhân loại. Vào thời tiền sử, dù chưa có nhạc cụ nhưng con người đã biết tạo ra âm nhạc từ những vật dụng hằng ngày. Mãi đến sau này, âm nhạc mới đóng vai trò như một thú giải trí, một khoảnh khắc tạm xa rời thế giới nhiều âu lo. Trong quá khứ, nhiều cộng đồng người xem âm nhạc như một món quà từ Chúa trời, một phương thức giao tiếp với thần linh. Thậm chí đến ngày nay, một số tôn giáo vẫn tin rằng âm nhạc chính là ngôn ngữ của các thiên thần.

Sức mạnh của âm nhạc đã được chứng minh thông qua nhiều thí nghiệm trên toàn thế





Bài viết

the world. Music can **shape** our feelings, influence people's actions or even bring forgotten memories back! Many people spend several hours a week listening to music, which can help them to be more **dynamic** when combined with other activities. Some companies have decided to experiment with music and use it as a way to relax their workers and make them feel more energetic and motivated. Are you the type of person that likes to work with music or do you prefer silence?

There are many ways in which we can benefit from listening to music. One of the most important is how people **engage** with music. We all love to dance and sing the lyrics of our favorite songs. I'm sure you've all done that at one point? Research has also demonstrated that playing an instrument can even make our brain work harder and make us more intelligent. Playing an instrument makes our

giới. Âm nhạc **định hình** cảm xúc của chúng ta, ảnh hưởng đến mọi hành động và đôi khi, làm sống lại những kỷ niệm tưởng rằng đã quên. Nhiều người có thói quen dành vài tiếng mỗi tuần để nghe nhạc vì âm nhạc giúp họ trở nên **năng động** hơn. Một số công ty lại quyết định thử nghiệm âm nhạc để giúp nhân viên thư giãn tinh thần, trở nên năng nổ và tích cực hơn. Vậy bạn là tuýp người thích vừa nghe nhạc vừa làm việc hay đơn thuần thích không gian im lặng?

Âm nhạc mang lại rất nhiều lợi ích cho con người. Trong số đó, đáng chú ý nhất chính là cách chúng ta **tương tác** với âm nhạc. Ai trong chúng ta cũng từng hát và nhảy theo giai điệu bài hát yêu thích, đúng không nào? Khoa học còn chứng minh rằng chơi một loại nhạc cụ giúp não bộ hoạt động tốt hơn và trở nên thông minh hơn. Chơi nhạc cụ là phương pháp kích thích, **tăng cường** hoạt động của não bộ. Ví dụ như nhạc công





Bài viết

whole brain activate and **shake!** For example, it helps us memorize, analyze and process information. It also improves our linguistic and mathematical skills, allowing us to **solve** problems easier and quicker. Do you think that music makes you **brighter**?

Emotions are also shown in music. Many singers base their songs on emotions they have felt when something happened. They use the lyrics to tell the listener about the feeling they had and what happened when they felt that. We can see ourselves in that situation and feel what they have felt thanks to their music. There are even times when we identify with what the singer is telling us and we can **picture** ourselves in that situation.

Have you ever found music bringing old memories back? Memories that were left behind, but that come back when listening to the lyrics to the rhythm, or just a feeling

thường ghi nhớ, đánh giá và xử lý thông tin tốt hơn. Âm nhạc khơi dậy năng lực về ngôn ngữ và toán học, cho phép chúng ta **giải quyết** vấn đề nhanh chóng, dễ dàng. Vậy, bạn có nghĩ âm nhạc khiến **bạn thông minh hơn**?

Âm nhạc cũng là nơi bày tỏ cảm xúc. Nhiều ca sĩ thường dùng lời bài hát để truyền tải cảm xúc, câu chuyện đến người nghe. Trong một số trường hợp, chúng ta như **thấy hình ảnh** của chính mình trong bài hát, cảm thông được với những suy nghĩ, tình cảm của ca sĩ tại thời điểm, hoàn cảnh đó.

Đã bao giờ bạn trải nghiệm cảm giác nghe một bài hát, và đột nhiên những ký ức xưa cũ như ùa về? Đó có thể là những dòng hoài niệm ngỡ rằng đã quên theo năm tháng, hoặc một cảm xúc mơ hồ đến mức chúng ta chẳng thể gọi tên. Vậy mà chỉ với vài giai điệu, ca từ, mọi thứ lại rõ mồn một như vừa



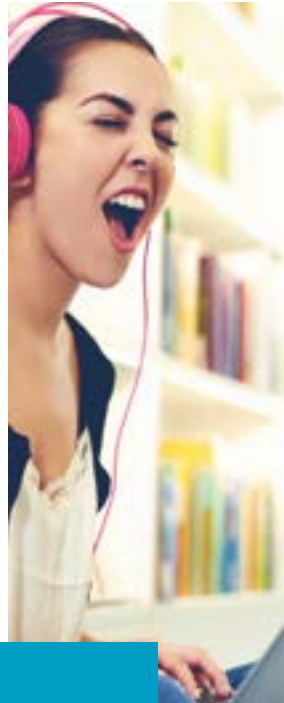
Bài viết

through something that we are not even sure about! Research has even found that when we are going through a **tough** time, a happy stage of our life, or when we miss somebody, we play songs that relate to our mood at that moment. So, when you are sad, you might listen to Adele singing 'Hello', or if you are feeling rebellious you might play Pink's 'So What' song.

Have you ever been in this situation where all the songs you play fit the way you are feeling? It all depends on your mood!

xảy ra. Theo nghiên cứu khoa học, chúng ta thường có thói quen nghe những bài nhạc phản ánh đúng tâm trạng của mình. Đó có thể là lúc **khó khăn** trong cuộc sống, giây phút thương nhớ ai đó hoặc khoảnh khắc hạnh phúc trong đời. Vậy nên khi buồn, bạn sẽ bật bản hit "Hello" của Adele, trong khi lúc muốn nổi loạn thì bạn lại cần ca khúc "So What" của Pink.

Đã bao giờ bạn tự hỏi vì sao mọi bài nhạc bạn nghe đều nói đúng tâm sự của bạn? Hóa ra chính tâm trạng của bạn mới là yếu tố quyết định đấy!





Bài viết

Danh sách từ vựng



Ví dụ:

(to) **Shape** - to make something particular through influence

định hình, định hướng, tạo ra, xác lập

Music **shapes** our moments and our thoughts.

Dynamic - something that continuously changes

hào hứng, năng động, sôi nổi

Laura likes to make her meetings **dynamic** by playing new songs.

(to) **Engage** - to be involved in an activity

tham gia vào một hoạt động nào đó

They think music **engages** people in activities.

(to) **Shake** - to move because of something

lắc lư, di chuyển theo nhịp

Music makes me **shake** my body.

(to) **Solve** - to find the correct answer to a problem

giải quyết một vấn đề nào đó

Music helps you **solve** problems of all types.



Bài viết

Danh sách từ vựng



Brighter - to have more knowledge, or to be more intelligent than others

(to) **Picture** - to imagine on your mind

Tough - difficult

(to) **Fit** - that is similar to another thing



thông minh hơn, có nhiều kiến thức hơn những người khác.

tưởng tượng ra trong tâm trí

khó khăn

phù hợp với, ăn khớp

Ví dụ:

Tony is **brighter** than the rest of the students in his class.

When I listen to that song I can **picture** myself on the beach.

Playing the violin is very **tough**.

The music **fits** perfectly in the celebration of her birthday.

**#FYI,
I'm so
amazing**





Bài viết

#FYI, I'm so amazing

Tác giả: Lucy Kellaway

fortoday

Harris Wittels, the man who invented the word “humblebrag”, when someone boasts but pretends not to, has died at 30. In his memory I’ve been going through some examples of what this actually means and have come up with two favourites.

My second best is by British comedian and actor, Stephen Fry when he tweeted, “Oh dear. Don’t know what to do at the airport. Huge crowd, but I’ll miss my plane if I stop and do photos . . . oh dear don’t want to disappoint.

But by far my first choice is from Oprah Winfrey. “OMG! Just had a SURPRISE date with Jackie Jackson. My teen idol. I tried not to talk too much or eat too much but succeeded at neither!”

As Wittels put it:
“Oprah, you don’t have to brag. You’re Oprah.”

However, there is another sort of boasting that is more widespread. I call it the thirdpartybrag and it is when people post complimentary comments made about them by someone else.

The popularity of this sort of bragging is for three reasons: you don’t have to make the boast yourself; it sounds almost objective; and Twitter makes it easy. It is as simple as hitting the retweet button and it seems like by retweeting, you are saying thank you.



Bài viết

fortoday



The popularity of thirdparty bragging raises the question: why do people demean themselves in this way? I think it is because such retweeting increases people's egos.

A prolific thirdpartybragger is the British scientist Richard Dawkins, who does it several times a day. During the time I have been writing these paragraphs he has retweeted the following from @jamiesaboyname: "Such an amazing experience last night, to be in the same place as two of the world's most beautiful minds @RichardDawkins @LKrauss1".

I have become so against thirdpartybragging that I am unfollowing everyone who engages in it.

So it is goodbye to Dawkins and also to various colleagues of mine. When the historian

Simon Sebag Montefiore retweets "@SimonMontefiore J'lem one of the best books I've read. Can't wait for your next book!" I am unimpressed and hit unfollow.

A bigger reason for the thirdpartybrag is not only for egos, but also to promote books, talks and so on.

But can something so obvious really work?

The depressing answer is yes. Seth Godin, a marketing expert, has just devoted an entire blog post to reproducing enthusiasm from a third party. I think I am the only person who responded badly - 876 people liked



Bài viết

fortoday

the boast post so much they retweeted it.

Thirdpartybragging shows followers as brainless and tweeters shameless.

In the case of Mr Godin, who is both in marketing and from America - where there is a more accepting attitude to boasting in general - it may make sense. But what about Mr Dawkins?

Has thirdpartybragging damaged the scientist's brain?

To find out I wrote a tweet that said...

"Didn't realise @richarddawkins invented the craze. He's even more of a god than I thought he was."

I sat back and waited for him to retweet, but several days passed and nothing happened. I feel better about Mr Dawkins as a result. But now I am worried. Didn't he like my message, or something?



© The Financial Times Limited.
All Rights Reserved.

Pearson Education Limited is responsible for providing this adaptation of the original article.



Kiểm tra khả năng đọc hiểu của bạn với những câu hỏi sau:

Câu hỏi

1.

Theo tác giả bài viết:

- a) Thirdpartybrag sẽ tiếp tục tồn tại.
- b) Không thể tin là thirdpartybrag lại được chấp nhận như vậy.
- c) Bạn nên hủy kết bạn với người thích thirdpartybrag.

2.

Tác giả bài viết nghĩ rằng thirdpartybrag:

- a) Đỡ hơn là humblebrag.
- b) Cũng tệ y như humblebrag.
- c) Tệ hơn cả humblebrag.

3.

Theo bài viết, người ta thích thirdpartybrag vì:

- a) Nó khiến họ trông như người hùng.
- b) Nó không quá lộ liễu, cố tình.
- c) Nó có vẻ giống một cử chỉ cảm ơn.

4.

Thói quen thirdpartybrag sẽ giúp bạn nổi tiếng hơn.

- a) Đúng
- b) Sai
- c) Không đề cập trong bài

5.

Trên phương diện là một công cụ marketing, thirdpartybrag:

- a) Cực kỳ hiệu quả.
- b) Là cách duy nhất để tự đánh bóng tên tuổi trong xã hội hiện đại.
- c) Khiến mọi người dễ hủy kết bạn với bạn.

6.

Sau khi đăng tin nhắn về Richard Dawkins, tác giả cảm thấy....

- a) Xấu hổ về những gì đã nói với ngài Dawkins.
- b) Thay đổi thái độ về ngài Dawkins.
- c) Mất hi vọng vào ngài Dawkins.

[Answers >](#)



Thành ngữ

// // "To play the fool"

- Làm trò hề // //

 This phrase means **to do silly things to attract people's attention and/or make them laugh.**

 Thành ngữ này ám chỉ **hành động cố ý làm trò ngu xuẩn để gây sự chú ý / khiến người khác bật cười.**

Ví dụ:

"Stop playing the fool! Everybody is looking at us".

Đừng làm trò hề nữa! Mọi người đang nhìn kìa.





Câu hỏi

Kiểm tra lại kiến thức với những câu hỏi sau nhé!

1.

Thành ngữ "play the fool" nghĩa là gì?

- a) Chơi thể thao và bị thua
- b) Chơi đùa với ai đó nhưng không chú tâm lắm
- c) Ám chỉ ai đó đang hành động kì quặc

2.

Dùng thành ngữ "play the fool" trong câu sau là đúng hay sai? "He plays the fool when he is around girls."

- a) Đúng
- b) Sai

[Answers >](#)

Thời của TV





Bài viết

Thời của TV



There was a time, not too long ago, when movie stars, producers and directors would not dare do something for TV because it was considered inferior to movies. However, after the success of certain series, like True Detective, major Hollywood directors and movie actors started to see TV as an **appealing** option.

It is not easy to make a list of the most popular shows since several could be included. Why? Because many shows have been innovative and, in certain ways, they have transformed the **small-screen** by changing the concept of what could or could not be shown on TV.



Đã từng có thời những ngôi sao màn bạc, nhà sản xuất và đạo diễn không hề dám đầu tư vào TV vì họ nghĩ rằng TV không thể cạnh tranh được với phim ảnh. Tuy nhiên, sau thành công của một vài series đình đám như True Detective, những đạo diễn Hollywood và minh tinh màn ảnh bắt đầu thay đổi suy nghĩ về TV - một lựa chọn khá **hấp dẫn**.

Không dễ để đưa ra một danh sách những chương trình nổi tiếng nhất, vì có khá nhiều lựa chọn. Một số chương trình thậm chí đã vượt ngoài khuôn khổ, định kiến truyền thống về **màn ảnh** nhỏ, định nghĩa lại những gì có thể và không thể chiếu được trên TV.





Bài viết

Also, because any such list would have a very subjective component. However we can consider some key factors:

- **Quality:** is the show presenting a story well adapted for the medium of TV?
- **Influence:** is the show leaving any influential messages for present or future generations?
- **Show Length:** how long did the show last? (how many seasons?)

With these factors in mind, our list might include:

Friends (1994 - 2004): You probably know this! It's about a group of friends living in the same apartment building in New York City. It is considered the greatest **sitcom** of all time and it changed the TV world for ever. Every episode makes people laugh from beginning to end. The story is **captivating**,

"Ngoài ra, việc bầu chọn danh sách như vậy cũng rất cảm tính, chủ quan. Tuy nhiên, chúng ta có thể cân nhắc một số yếu tố quan trọng như:

- **Chất lượng:** liệu chương trình có đề cập câu chuyện phù hợp để truyền tải trên TV?
- **Độ ảnh hưởng:** liệu thông điệp của chương trình có đủ sức tác động đến các thế hệ hiện tại và tương lai?
- **Độ dài:** chương trình dài bao nhiêu? (bao nhiêu mùa?)"

Sau khi cân nhắc các yếu tố trên, danh sách của chúng tôi gồm:

Friends (1994 - 2004): Có thể bạn đã biết series này! Câu chuyện xoay quanh một nhóm bạn sống cùng nhau trong một tòa cao ốc tại thành phố New York. Nhiều người cho rằng đây là **sitcom** nổi tiếng nhất mọi thời đại và nó định nghĩa lại hoàn toàn cái gọi là "chương trình TV"





Bài viết

the humor wonderful and the writers have succeeded in making viewers care about the characters and what happens to them. In short: the series brings pleasure, gratification, suspense and tears.

Seinfeld (1989 – 1998): The basis of this sitcom is Jerry Seinfeld (a successful **stand-up comedian** and writer of this series) and his friends going through their daily life. It's a true-to-life comedy that follows the events of this group of friends. It involves Jerry's social interactions and romantic relationships. It is driven by humor mixed with superficial conflict. It has been described as "a show about nothing", but Jerry said the idea was to show how comedians get their material so, it's about everything since it focuses on those everyday things that, insignificant though they may seem at first, turn into very funny conversation topics when time goes by.

Mỗi tập phim đều khiến người xem cười nghiêng ngả từ đầu đến cuối. Với cốt truyện **thu hút** và tình tiết hài hước, các tác giả đã thành công trong việc "hớp hồn" người xem, khiến họ theo dõi nhất cử nhất động của các diễn viên. Nói tóm lại, series Friends đã mang lại niềm vui, sự hài lòng lẫn nước mắt và sự hồi hộp.

Seinfeld (1989 – 1998): cốt lõi thành công của bộ sitcom đến từ Jerry Seinfeld (**diễn viên hài độc thoại** nổi tiếng và là tác giả của series này) và những người bạn của ông. Đây là bộ phim hài có thật dựa trên những tình tiết đời thường của nhóm bạn, trong đó bao gồm cả tương tác xã hội và các mối quan hệ tình cảm của Jerry. Cả bộ phim là sự kết hợp giữa óc hài hước và những mối xung đột đời sống. Nhiều người mô tả series là "một chương trình chẳng về cái gì cả", nhưng bản thân Jerry lại cho rằng ý tưởng ban đầu là cho khán giả thấy nghệ sĩ hài lấy chất liệu, cảm hứng từ đâu. Chính vì vậy, chương trình tập trung vào những tiểu tiết trong đời sống hằng ngày và biến chúng thành các đề tài thảo luận cực kỳ vui nhộn.



Bài viết

24 (2001 – 2010): It is a serial drama that **depicts** how a fictional counter-terrorist unit makes all possible efforts to defend America from terrorism plots. Each episode lasts an hour showing events as they happen in real time – to make this more real to the audience, there’s a ticking clock displayed on the screen.

Lost (2004 -2010): It is an American serial drama that follows the lives of a group of survivors of a plane-crash on a tropical island. It’s a show with action, with complex characters interacting, with lots of solved and unsolved mysteries. The island itself is as interesting as any of the characters who, above all, are **unpredictable** and who, through the continuous **flashbacks**, tell the enigmatic history of their lives before the crash.

24 (2001 – 2010): Đây là series phim truyền hình về một đơn vị đặc nhiệm chuyên chống lại các âm mưu tấn công khủng bố vào nước Mỹ. Mỗi tập phim dài một giờ và kể lại diễn biến theo đúng thời gian thực - thậm chí để tăng tính thu hút, trên màn hình còn có một đồng hồ đếm ngược.

Lost (2004 -2010): Series phim truyền hình về một nhóm người sống sót sau vụ đâm máy bay trên hòn đảo nhiệt đới. Đây là chương trình mang đậm tính hành động, tương tác phức tạp giữa các nhân vật, những bí ẩn đã hoặc chưa có lời giải. Bản thân hòn đảo cũng thu hút như chính các nhân vật vậy. Mọi nhân vật trong phim đều có một bí mật trước vụ đâm máy bay và quá khứ của họ dần được vạch trần theo nhịp câu chuyện.





Bài viết

Game of Thrones (2011 - ...) It is a kind of epic show that sticks to the books it is based on - 'A Song of Ice and Fire' by George R.R. Martin. This series takes the audience back to a medieval time with kings and queens, lords and ladies following three principal storylines that develop together and at the same time. Nine noble families fight to get control of a mythical land: Westeros - a 3,000 miles piece of land extending from the very cold North Pole up to the hot southern desert and politically divided into "the Land Beyond the Wall" and "The Seven Kingdoms". The scenes are **brehtaking**, especially when the characters have to choose between being loyal to their oaths or to the people they love, or when they struggle against themselves to face hard truths. The series also shows how, in the competition for keeping or expanding power, the characters are constantly doing things that are dishonest or corrupt in some form.

Game of Thrones (2011 - ..) Series phim dựa trên nguyên tác là bộ truyện "A Song of Ice and Fire" của tác giả George R.R. Martin. Người xem ngược dòng thời gian về lại vùng đất Trung Cổ với những vị vua và hoàng hậu, lãnh chúa và phu nhân... tất cả xoay quanh 3 mạch truyện diễn ra song song với nhau.

Chín gia tộc gây chiến để giành quyền kiểm soát vùng đất huyền bí gọi là Westeros - một khu vực rộng đến 3000 dặm, trải dài từ Bắc Cực lạnh giá đến những sa mạc khô cằn ở phía Nam. Trong phim, vùng đất này được chia ra làm "Phía bên kia bức tường" và "Bảy Vương quốc". Sức hút của series này đến từ những cảnh quay hoành tráng, diễn biến phim và sự dẫn dắt trong tâm lý nhân vật. Liệu họ nên trung thành với lời thề hay cố gắng bảo vệ người mình yêu thương, quay lưng bỏ đi hay đương đầu với sự thật tàn bạo. Đặc biệt, trong quá trình tranh giành và củng cố quyền lực, tất cả nhân vật đều phải chấp nhận thực hiện những hành động trái với lương tâm và luân thường đạo lý.



Bài viết

The Simpsons (1989 - ...): It is an animated primetime comedy series – probably, the best of all time - relating the situations happening to the members of a totally **dysfunctional** American family as representatives of a typical family. The five members of the family, their friends, neighbors and even pets have an unbelievably high number of adventures presented in a smart, funny, daring and immensely entertaining way.

The Simpsons (1989 - ...): đây có lẽ là series phim hoạt hình nổi tiếng nhất mọi thời đại, trong đó các thành viên hơi **lập dị** trong gia đình lại được mô tả như hình mẫu đặc trưng cho một gia đình kiểu Mỹ. Năm thành viên trong gia đình, bạn bè, hàng xóm và thậm chí là thú cưng của họ đều có rất nhiều chuyến phiêu lưu, được tác giả khéo léo mô tả một cách thông minh, tài tình, hấp dẫn và vui nhộn.






Thành ngữ

// "Time flies when you are having fun" - Thời gian thấm thoát trôi

'Tempus Fugit' means 'time flies' in Latin. You have to enjoy the present as much as possible!

 It's something you say **when you are having fun and time goes by quickly.**

 Thành ngữ này thể hiện rằng **thời gian dường như trôi qua nhanh khi bạn đang tận hưởng điều gì đó.**

For example:

"Time flies when you are having fun visiting cities around Europe."

Thời gian trôi như bay khi chúng ta ghé thăm những thành phố ở Châu Âu.



"Tempus Fugit" có nghĩa là "thời gian thấm thoát trôi" trong tiếng Latin. Bạn nên tận hưởng cuộc sống hiện tại nhiều nhất có thể!



Câu hỏi

Kiểm tra lại kiến thức với những câu hỏi sau nhé!

1.

Câu nào sau đây dùng SAI thành ngữ "Time Flies..."?

- a) Time flies when you are at football game having fun.
- b) When you are with your family and friends, time just flies.
- c) When I'm there time flies, I can't keep up with the work.

2.

Thành ngữ "Time Flies" dùng để thể hiện điều gì?

- a) Nói về thời gian trên chuyến bay
- b) Nói về việc đồng hồ chạy nhanh thế nào
- c) Nói về việc bạn đang có thời gian vui vẻ

[Đáp án >](#)



Câu hỏi

Đáp án

Phần 2:

1. **a)** English grammar is child's play. I find it difficult.
2. **c)** To say something is easy to do.

Phần 4:

1. **b)** Thirdpartybragging has become shockingly acceptable.
2. **c)** Worse than humblebragging.
3. **c)** It seems like gratitude.
4. **c)** Doesn't say.
5. **a)** Is surprisingly effective.
6. **a)** changed her attitude towards.

Phần 5:

1. **a)** To play a sport with bad results.
2. **a)** Yes.

Phần 7:

1. **c)** When I'm there time flies, I can't keep up with the work.
2. **c)** When you want to express that you are having fun.

[← Quay lại câu hỏi](#)[← Quay lại câu hỏi](#)[← Quay lại câu hỏi](#)[← Quay lại câu hỏi](#)



Học tiếng Anh sẽ giúp bạn thay đổi tương lai, mở rộng cánh cửa đến với những cơ hội mới.

Liên hệ với chúng tôi và tìm hiểu thêm tại:
www.wallstreetenglish.com

